

CÔNG TY CP XD PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÀI GÒN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XD PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÀI GÒN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110709342

3. Ngày thành lập: 09/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu giãn dân, Lô 58, Đội 4, Thôn Bàu, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904780065

Fax:

Email: saigoncenter@gmail.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, dụng cụ y tế	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng (Nghị định 94/2017/NĐ-CP))	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Khai thác thủy sản biển	0311
21.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
22.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
23.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
24.	Khai thác quặng sắt	0710
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh trừ loại Nhà nước cấm (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299(Chính)
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
30.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
31.	Quảng cáo	7310
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
45.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

46.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
47.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
48.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
53.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
57.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
58.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
59.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
60.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
61.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
62.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
64.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
65.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
66.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
67.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
72.	Chuyển phát	5320
73.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

80.	Đại lý du lịch	7911
81.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
82.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
83.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
87.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
88.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
90.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
91.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
92.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
93.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
94.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
95.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
96.	Xây dựng nhà để ở	4101
97.	Xây dựng nhà không để ở	4102
98.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
99.	Xây dựng công trình điện	4221
100.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
101.	Phá dỡ	4311
102.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
103.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
108.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
109.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
110.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí, vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 45.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 10/05/2024 đến ngày 09/06/2024

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 4.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ QUỲNH	Thôn Thanh Thùy, Xã Việt Hòa, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.0 00	13.500.000.000	30,000	0011880262 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.350.0 00	13.500.000.000	30,000		
2	LÊ THANH HẢI	Tiểu khu 3, Phường Hải Hòa, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.0 00	13.500.000.000	30,000	0380810027 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.350.0 00	13.500.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Thôn Quan Chiêm, Xã Hà Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.0 00	18.000.000.000	40,000	0383020161 79
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.800.0 00	18.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN THI NGUYẾT

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/02/2002

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038302016179

Ngày cấp: 17/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Quan Chiêm, Xã Hà Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Quan Chiêm, Xã Hà Giang, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội